

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƯ SÊ  
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 45/2020/HS-ST  
Ngày 04 - 11 - 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ - TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Dậu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Công Hoà và ông Siu Tơ Lul.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 55/2020/TLST-HS ngày 06/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-HS ngày 20/10/2020 đối với bị cáo:

**1. Đặng Văn T** (tên gọi khác: X), sinh năm 1993, tại huyện S, Gia Lai. Nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện S, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng V và bà Hồ Thị N; Có vợ là Trần Nguyễn Thị Thảo T và 02 con; Tiền sự: không; Tiền án: không; Bị bắt tạm giam từ ngày 03/7/2020 cho đến nay. Có mặt.

**2. Nguyễn Văn S**, (tên gọi khác: T) ,sinh năm 1993, tại huyện C, tỉnh Nghệ An. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Làng Đ, xã H, huyện S, tỉnh Gia Lai. Chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã H, huyện S, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh, Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Cảnh H và bà Hồ Thị N; Có vợ là Trần Thị H và 01 con; Tiền án: không; Tiền sự: Ngày 18/6/2020, bị Công an xã H, huyện S ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”, mức phạt 1.500.000đ (chưa nộp phạt số tiền trên); Bị bắt tạm giam từ ngày 29/6/2020 cho đến nay. Có mặt.

**- Bị hại:** Chị Văn Thị H, sinh năm 1987 và anh Võ Viết T, sinh năm 1981. Cùng địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh Lê Công T, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn N, thị trấn S, S, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Anh Đặng Văn T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện S, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Anh Trịnh Thanh T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 24/3/2020, Nguyễn Văn S (tên gọi khác: T) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Citi, biển kiểm soát: 81F3 – 2478 chở Đặng Văn T (tên gọi khác: X) đến nhà trọ của Trần Thị Thu T, sinh năm 1992, trú tại Tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S để lấy quần áo của Thiên. Khi đến trước khách sạn L, thuộc tổ dân phố X, thị trấn S, T xuống xe mô tô để S đi gặp chị T lấy đồ cho mình. Đến khoảng 01 giờ cùng ngày, T đi bộ một mình hướng đi Đăk Lăk, khi đến hẻm bên cạnh Trường Tiểu học V, thuộc tổ dân phố X, thị trấn S, T quan sát thấy sau nhà anh Võ Viết T trồng nhiều hoa Lan, hoa Mai nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trên. T liền gỡ lưới B40 của bờ rào rồi vào vườn trộm cắp 03 giỏ Lan Giả Hạc (Phi Điệp), 01 giỏ Lan Trầm trắng, 02 giỏ Lan Quế vàng (Nhận tháng 8), 04 gốc cây hoa Mai, sau đó mang ra hẻm bên cạnh nhà anh T giấu. Khoảng hơn 02 giờ sáng cùng ngày, T điện thoại cho Nguyễn Văn S điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát: 81F3 – 2478 đến đón. Khi thấy T, S hỏi: “Lấy (trộm cắp) ở đâu” ? T trả lời: “Lấy (trộm cắp) nhà trong kia nhiều lắm”, nghe vậy S đồng ý chở T cùng tài sản trên để đi tiêu thụ. Khi cả 02 đi đến trước Trường Tiểu học V thì gặp Lê Công T, trú tại thôn N, thị trấn S, huyện S đi ăn khuya ngang qua dừng lại hỏi T: “Có bán (hoa Lan) không” ?, T nói: “Mày có cái điện thoại cảm ứng nào, đưa tao gọi cho vợ là được”, nghe vậy, Lê Công T đưa cho T 01 điện thoại di động hiệu OPPO, T đưa cho T 05 giỏ Hoa Lan. Sau đó, T, S đi tiếp, khi đến chợ Chư Sê thì xe mô tô của T bị hư, T nói với S: Giờ đi cùng T đến gặp Trịnh Thanh T, trú tại Thôn K, thị trấn S, huyện S để bán 04 gốc cây Mai, 01 giỏ Lan lấy tiền sửa xe mô tô. T bỏ xe mô tô ở Chợ Chư Sê, rồi cả 02 đón xe taxi (chưa xác định họ tên tài xế) mang theo 04 cây Mai, 01 giỏ Lan đến Thôn X, xã B gặp Trịnh Thanh T. Khi gặp Trịnh Thanh T, T hỏi mượn tiền sửa xe, Trịnh Thanh T đưa cho T 1.000.000đ, T để lại cho Tuấn 02 gốc cây Mai, 01 giỏ Lan vì Trịnh Thanh T cho T mượn tiền, còn lại 02 gốc cây mai, T mang về nhà trồng. Sau đó T và S cùng về nhà T tại thôn X, xã H để ngủ, T cho S 100.000 đồng từ số tiền 01 triệu đồng mà T vừa lấy của Trịnh Thanh T, số tiền còn lại T đã tiêu xài hết.

Tại Bản cáo trạng số: 45/CTr-VKS ngày 24/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê đã truy tố bị cáo Đặng Văn T (tên gọi khác: X) về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Nguyễn Văn S, (tên gọi khác: T) về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Đặng Văn T (tên gọi khác: X) từ 09 đến 12 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1

Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S (tên gọi khác: T) từ 06 đến 09 tháng tù. Bảo thủ số tiền 100.000 đồng, do Nguyễn Văn S giao nộp để đảm bảo thi hành án. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và có lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chư Sê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về Hành vi phạm tội của các bị cáo.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Vào lúc 01 giờ ngày 24/3/2020 tại tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, Đặng Văn T đã trộm cắp 06 giỏ hoa Lan và 04 gốc hoa Mai có tổng giá trị là 6.800.000đ (Sáu triệu tám trăm nghìn đồng) của gia đình anh Võ Viết T. Sau khi trộm cắp xong, T gọi S đến chở tài sản trộm cắp đi tiêu thụ. Mặc dù biết rõ số tài sản trên là do T trộm cắp mà có nhưng khi được rủ đi tìm nơi tiêu thụ số tài sản trên thì Sơn đã đồng ý. Hành vi của Đặng Văn T (tên gọi khác: X) đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, hành vi của Nguyễn Văn S (tên gọi khác: T) đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, xâm phạm trật tự quản lý của Nhà nước, gây mất trật tự trị an trong xã hội. Bản thân các bị cáo đều có sức khỏe nhưng không chịu lao động chân chính mà lại thực hiện hành vi phạm tội nhằm thỏa mãn nhu cầu thấp hèn của bản thân. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc, áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm mục đích giáo dục, cải tạo các bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo T là người chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, giao nộp tài sản trộm cắp để trả lại cho bị hại nên được hưởng

các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo S có 01 tiền sự về hành vi “Trộm cắp tài sản” nên là người có nhân thân xấu. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi Hội đồng xét xử quyết định hình phạt.

[4]. Đối với anh Lê Công T khi đổi 01 điện thoại di động hiệu OPPO lấy 05 giỏ hoa Lan và anh Trịnh Thanh T khi cho T mượn 1.000.000đ, T đã để lại cho anh 01 giỏ Lan, 02 gốc cây Mai. Các anh không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không đủ cơ sở để xử lý các anh về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về vật chứng:

Đối với 03 giỏ Lan Giả Hạc (Phi Diệp), 01 giỏ Lan Trầm trắng, 02 giỏ Lan Quế vàng (Nhận tháng 8), 04 gốc cây hoa Mai, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Chư Sê đã trao trả lại cho anh Võ Viết T là đúng pháp luật.

Đối với 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Citi, Biển kiểm soát: 81F3 – 2478, là của anh Đặng Văn T, khi T mượn xe mô tô sử dụng đi trộm cắp tài sản, anh T không biết, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Chư Sê trao trả lại cho anh Đặng Văn T là đúng pháp luật.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu FPT của Nguyễn Văn S, Cơ quan điều tra xác định không có liên quan đến vụ án, đã trả lại cho Nguyễn Văn S là đúng pháp luật.

Đối với số tiền 100.000 đồng, do Nguyễn Văn S giao nộp, đây là số tiền T đưa cho S lấy từ số tiền 1.000.000 đồng mượn của anh T, không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo còn có nghĩa vụ án phí cần phải thực hiện nên bảo thủ số tiền này để bảo đảm thi hành án.

Đối với số tiền 1.000.000đ anh Trịnh Thanh T cho Thiên mượn, đây là giao dịch dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Đặng Văn T (tên gọi khác: X) phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Văn S (tên gọi khác: T) phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Văn T (tên gọi khác: X) 12 ( Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 03/7/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S (tên gọi khác: T) 09( chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam từ ngày 29/6/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bảo thủ số tiền 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) do bị cáo Nguyễn Văn S (tên gọi khác: T) giao nộp để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Sê;
- CA huyện Chư Sê;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- THAHS;
- CC.THADS huyện Chư Sê;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Dậu**